

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số:117/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 6 - 2023

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2023/ HNGĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Mai Hữu C, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Người có qU lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần CT;
Địa chỉ: Số 108, đường Đ, quận HK, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1971- chức vụ :Trưởng phòng giao dịch phường 2, thành phố M (theo văn bản ủy qU ngày 31/5/2023 - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Ngọc U trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Hữu C chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống từ khi đăng ký kết hôn đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Nên chị và anh C đã ly thân khoảng 05 tháng nay. Chị xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 15/10/2020. Bé đang sống cùng chị. Tại đơn khởi kiện và quá trình hòa giải chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng

cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nhưng tại phiên tòa chị chỉ yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần CT tính đến ngày 24/5/2023 số tiền 486.419.627 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi số nợ mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

- *Anh Mai Hữu C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi kết hôn đúng như chị U trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tại phiên tòa ngày 05/5/2023 anh C xin hàn gắn và không đồng ý ly hôn. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị U kiên quyết xin ly hôn nên anh C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị U có 01 con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 15/10/2020. Bé đang sống cùng chị U. Nay khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu U cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết giao con chị U nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh xác định anh chị U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại phiên hòa giải anh xác định không nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh khai vợ chồng có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần CT vay số tiền 500.000.000 đồng, tính đến ngày 24/5/2023 thì còn nợ số tiền 486.419.627 đồng. Nay khi ly hôn anh yêu cầu chị U trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

- *Đại diện Ngân hàng TMCP CT trình bày:*

Ông Mai Hữu C và bà Nguyễn Ngọc U có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần CT Chi nhánh Cà Mau – PGD Phường 2 (viết tắt là Ngân hàng TMCP CT) theo hợp đồng cho vay số 22.080.065/2022-HĐCV/NHCT860 ngày 15/12/2022: Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 351222-080-860-PGDP2/HDSĐT ngày 15/12/2022 vay số tiền 500.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/05/2023 ông C và bà U còn nợ tại Ngân hàng TMCP CT- Chi nhánh Cà Mau – PGD Phường 2 số tiền: 486.419.627 đồng (trong đó: nợ gốc: 486.100.000 đồng; nợ lãi: 319.627 đồng). Tài sản được đảm bảo cho dư nợ nói trên là qUsở dụng đất, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại khóm 8, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qUsở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 832034, số vào sổ cấp GCN: CS01407 do Văn Phòng đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qUsở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 02/03/2022. Cập nhật chủ sở hữu mới theo nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 23/09/2022: Chuyển QSD đất của ông MAI HỮU C thành của chung ông MAI HỮU C sinh năm 1985 và vợ là bà NGUYỄN NGỌC U. Quá trình vay anh C và chị U không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay chị U với anh C ly hôn do không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Ngân hàng không khởi kiện trong cùng vụ án này, anh C và chị U thực hiện nghĩa

vụ trả nợ theo hợp đồng vay. Khi nào có tranh chấp phân chia tài sản hoặc anh C, chị Uvi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Ngọc U và anh Mai Hữu C được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Mai Hữu C có địa chỉ cư trú tại thị trấn TB, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc U và anh Mai Hữu C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện B theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị U yêu cầu xin ly hôn với anh C. Nguyên nhân chị U xin ly hôn do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không kết quả. Bản thân chị cũng đã cho anh C nhiều cơ hội để cải sửa nhưng anh C vẫn không thay đổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa chị U và anh C mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị U và anh C đã ly thân, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Tại phiên tòa ngày 05/5/2023 anh C xin hàn gắn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C cũng thống nhất ly hôn. Nên việc thỏa thuận ly hôn trên của chị U và anh C là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc U và anh Mai Hữu C có 01 con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 15/10/2020. Bé đang sống cùng chị U. Khi ly hôn chị U và anh C đều có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Mai Kim N hiện dưới 36 tháng tuổi cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa trong thời gian chị U và anh C ly thân, cháu Ngân đang sống cùng chị U. Để tránh sự xáo trộn tâm lý và môi trường sống của bé nên tiếp tục giao cháu N cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C thừa nhận hiện đang công tác tại Khu Công nghiệp nhà máy khí điện đạm lương trung bình khoảng 13.000.000 đồng - 15.000.000 đồng/tháng. Mức cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí hợp lý ăn uống, học hành ...Nên

chị U cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng kinh tế của anh C và nhu cầu thiết yếu của bé N nên được chấp nhận.

Anh C không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị U và anh C khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị U và anh C khai có nợ Ngân hàng TMCP CT số tiền vay là 500.000.000 đồng. Nhưng tính đến ngày 24/5/2023 số tiền nợ vay còn lại là: 486.419.627 đồng (trong đó: nợ gốc: 486.100.000 đồng; nợ lãi: 319.627 đồng). Tài sản được đảm bảo cho dư nợ nói trên là Quyền dụng đất, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại khóm 8, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận qUsử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 832034, số vào sổ cấp GCN: CS01407 do Văn Phòng đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 02/03/2022, tên Mai Hữu C và Nguyễn Ngọc U. Khi ly hôn chị U và anh C xác định mỗi người có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ nói trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nợ chung của anh C và chị U nên mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ. Tuy nhiên, hiện Ngân hàng TMCP CT không khởi kiện yêu cầu độc lập, xác định để cho chị U và anh C tiếp tục trả nợ vay theo hợp đồng nói trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét buộc anh C và chị U phải thanh toán nợ trong cùng vụ án này. Nếu giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng TMCP CT có quyền khởi kiện, giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ án dân sự khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị U phải chịu; án phí về cấp dưỡng nuôi con anh C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc U với anh Mai Hữu C.

Về con chung: Giao con chung tên Mai Kim N, sinh ngày 15/10/2020, bé đang sống cùng chị U cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Hữu C phải cấp dưỡng nuôi cháu Mai Kim N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày chị U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

Anh Mai Hữu C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Nguyễn Ngọc U phải chịu. Chị U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003497 vào ngày 31/3/2023 được đối trừ, chị U đã nộp đủ. Án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh C phải nộp, (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc Uyên, anh Mai Hữu C, Ngân hàng TMCP CT có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- UBND xã TB
- , huyện B, tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương